



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Ác quy**
Laboratory: **Laboratory of Battery Testing**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Pin Ác quy miền Nam**
Organization: **Dry Cell & Storage Battery Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 573**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện – Điện tử**
Field: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Phạm Hoàng Việt**

Hiệu lực công nhận:
Period of Validation: **Từ ngày /05/2026 đến ngày 30/03/2030**

Địa chỉ: **321 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh**
Address: **321 Tran Hung Dao Street, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City**

Địa điểm: **Đường N2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
Location: **N2 Street, Nhon Trach Industrial Park, Nhon Trach Ward, Dong Nai Province**

Điện thoại/ Tel: **0251 3836 116**

Email: **pinaco@pinaco.com.vn**

Website: **www.pinaco.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 573

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện – Điện tử**

Field of testing: **Electrical - Electronic**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Ắc quy chì acid (xe hơi) <i>Lead acid battery car</i>	Kiểm tra dung lượng 20h C_e <i>20 hour capacity check C_e</i>	Đến/to 1000 Ah	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.1)
2.		Kiểm tra dung lượng dự trữ $C_{r,e}$ <i>Reserve capacity check $C_{r,e}$</i>	-	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.2)
3.		Thử tính năng khởi động - nhiệt độ tiêu chuẩn <i>Cranking performance test – standard temperature</i>	Đến/to 1500 A	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.3.1)
4.		Thử chấp nhận nạp <i>Charge acceptance test</i>	Đến/to 50 A	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.4)
5.		Thử bảo toàn nạp <i>Charge retention test</i>	Đến/to 1500 A	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.5)
6.		Thử độ bền đối với acqui <i>Endurance test for batteries</i> - Thử ăn mòn <i>Corrosion test</i> - Thử độ bền chu kỳ <i>Endurance in cycle test</i>	-	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.6) IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.6.1) IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.6.1.2)
7.		Thử mức tiêu thụ nước <i>Water consumption test</i>	(1 ~ 60) kg	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.7)
8.		Thử bảo toàn chất điện phân <i>Electrolyte retention test</i>	-	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.9)
9.		Thử tính năng khởi động đối với acqui nạp khan (hoặc nạp bảo quản) sau khi đưa vào kích hoạt <i>Cranking performance for dry-charged (or conserved-charge) batteries after activation test</i>	Đến/to 1500 A	IEC 60095-1:2018 (Điều/Clause 9.10)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 573

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
10.	Ắc quy chì acid (xe hơi) Lead acid battery car	Kiểm tra dung lượng 20h C_e <i>20 hour capacity check C_e</i>	Đến/to 1000 Ah	JIS D 5301:2019 (Điều/Clause 10.1)
11.		Kiểm tra dung lượng dự trữ $C_{r,e}$ <i>Reserve capacity check $C_{r,e}$</i>	-	JIS D 5301:2019 (Điều/Clause 10.2)
12.		Thử tính năng khởi động lạnh CCA <i>Cold cranking performance test</i>	Đến/to 1500 A	JIS D 5301:2019 (Điều/Clause 10.3)
13.		Thử chấp nhận nạp <i>Charge acceptance test</i>	Đến/to 50 A	JIS D 5301:2019 (Điều/Clause 10.4)
14.		Thử độ bền tải nhẹ <i>Light load endurance test</i>	-	JIS D 5301:2019 (Điều/Clause 10.5.a)
15.		Thử độ bền tải nặng <i>Heavy load endurance test</i>	-	JIS D 5301:2019 (Điều/Clause 10.5.b)
16.		Thử bảo toàn nạp <i>Charge retention test</i>	Đến/to 1500 A	JIS D 5301:2019 (Điều/Clause 10.10)
17.		Kiểm tra dung lượng 20h C_e <i>20 hour capacity check C_e</i>	Đến/to 1000 Ah	GSO 35:2007 (Điều/Clause 9)
18.		Thử tính năng xả nhanh dung lượng ở nhiệt độ thấp <i>Rapid discharge capacity test at low temperature</i>	Đến/to 1500 A Đến/to -18 °C	GSO 35:2007 (Điều/Clause 11)
19.		Kiểm tra dung lượng dự trữ $C_{r,e}$ <i>Reserve capacity check $C_{r,e}$</i>	-	GSO 35:2007 (Điều/Clause 12)
20.		Thử khả năng chấp nhận nạp <i>Charge Acceptance test</i>	Đến/to 50 A	GSO 35:2007 (Điều/Clause 13)
21.	Thử bảo toàn nạp (Tự xả - Tổn hao dung lượng trong quá trình lưu giữ) <i>Conservation Of Charge Test (Self Discharge - Loss Of Capacity During Storage)</i>	-	GSO 35:2007 (Điều/Clause 14)	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 573

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
22.	Ắc quy chì acid (xe hơi) Lead acid battery car	Thử tuổi thọ (Thử độ bền) <i>Battery Life Test (Endurance Test)</i>	-	GSO 35:2007 (Điều/Clause 15)
23.		Thử mức tiêu thụ nước <i>Water Consumption Test</i>	Đến/to 60 kg	GSO 35:2007 (Điều/Clause 17)
24.		Thử chống rung <i>Vibration Resistance Test</i>	Tần số rung/ <i>Vibration frequency</i> Đến/to 30 Hz Gia tốc/ <i>Acceleration</i> Đến/to 6G	GSO 35:2007 (Điều/Clause 18)
25.		Thử sự duy trì chất điện phân <i>Electrolyte Retention Test</i>	-	GSO 35:2007 (Điều/Clause 19)
26.		Thử rò rỉ chất điện phân (Thử độ bền nhiệt) <i>Test For Leakage Of Electrolyte (Heat Endurance Test)</i>	(-10 ~ 60) °C	GSO 35:2007 (Điều/Clause 20)
27.		Thử độ bền chịu lực của điện cực (cọc bình) <i>Test for strength of terminal</i>	Momen/ <i>Torque</i> Đến/to 11,8 N.m	GSO 35:2007 (Điều/Clause 21)

Ghi chú/ Notes:

- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*;
- JIS: Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản/ *Japanese Industrial Standards*;
- GSO: Tổ chức tiêu chuẩn của Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh/ *Gulf Cooperation Council (GCC) Standardization Organization*.
- Trường hợp Công ty Cổ phần Pin Ắc quy miền Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Pin Ắc quy miền Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Dry Cell & Storage Battery Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

